TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **159**/2023/HC-ST

Ngày 25/9/2023

V/v: "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Tâm và bà Phan Thị Trinh.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Dương Công Bình - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 91/2023/TLST-HC ngày 15/5/2023, về việc *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*, giữa*:*

**** Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1953; địa chỉ: 13 Nguyễn Văn C, khối 4, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

**** Người bị kiện:*** UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H – C/v: Chủ tịch UBND thành phố B. Địa chỉ trụ sở: Số 01 Lý Nam Đ, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T– C/v: Phó Chủ tịch UBND thành phố B. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Trương Văn C – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Vắng mặt.

- Ông Võ Quang H1 – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk. Đại diện theo pháp luật vắng mặt.

- UBND phường T, thành phố B; Đại diện theo pháp luật vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1963;

- Bà Nguyễn Thị Thùy H3, sinh năm 1984;

- Bà Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1989;
- Ông Nguyễn Châu G1; sinh năm 1993;
- Ông Trần Văn T2, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: 13 Nguyễn Văn C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của bà H2, bà H3, bà T1, ông G, ông T2: Ông Nguyễn Văn D – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người khởi kiện ông Nguyễn Văn D trình bày:** Gia đình ông D là nông dân sản xuất đất nông nghiệp trên diện tích 5.179 m^2, lô số 57, tờ bản đồ số 67 thuộc khối 8, phường T. Sau khi có Quyết định thu hồi và Quyết định số 9954/QĐ-UBND, ông D đã cho kiểm đếm cây cối hoa màu, tài sản trên đất trong phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông D chưa đúng, chưa đủ nên đã làm đơn khiếu nại các cấp nhiều lần.

Mới đây, tính đến ngày 25/8/2022 có tổng cộng 05 hộ trong dự án khu dân cư khối 8, phường T, dự án 3,32 ha được nhận bổ sung hỗ trợ 135.000.000 đồng trên sào + hỗ trợ tiền chính sách gồm ông Nguyễn Tấn L, ông Hồ Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Bích Th (3 hộ này đã được UBND thành phố B giải quyết nhận thêm số tiền hỗ trợ theo Quyết định số 6851/QĐ-UBND) và ông Bùi Quyết Th, bà Trần Thị S (02 hộ này Tòa án đã có bản án). Còn lại gia đình ông D có đất trên cùng 01 dự án, cùng một loại đất, cùng nguồn gốc đất cùng được nhận số tiền đền bù theo Quyết định số 9954/QĐ-UBND song chưa được giải quyết nhận thêm số tiền bổ sung sau phương án đền bù trước đó là 135.000.000đ/sào + với tiền chính sách hỗ trợ.

Trước đó ông D đã có làm đơn nhưng không được UBND thành phố B giải quyết thông qua văn bản trả lời đơn số 481/UBND-TTPTQĐ ngày 17/02/2023. Do không đồng ý với quyết định và văn bản sự việc trên, ông D khởi kiện tại Tòa án và yêu cầu Tòa án Hủy một phần Quyết định số 9954/QĐ- UBND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B đối với hộ ông Nguyễn Văn D, đồng thời, buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, trong đó phê duyệt bổ sung việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và hỗ trợ khác cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn D theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông D đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về các hỗ trợ khác.

*** Người đại diện của người bị kiện là ông Lê Đại T trình bày:**

Đối với đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, có ý kiến như sau:

- Về đất: Đất Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV cà phê B quản lý. Ngày 14/5/2013, Công ty TNHH MTV cà phê B ký Hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê với ông Nguyễn Văn D theo Hợp đồng số 10Đ3/2013/HĐ tại (Thửa đất 57; Tờ bản đồ 67) phường T, thành phố B với diện tích đất là: 5.150m^2 *(thời hạn hợp đồng từ ngày 14/5/2013 đến ngày 31/12/2020)*. Diện tích đất đo đạc theo hiện trạng là: 5.179,1m^2.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7m^2 tại các phường: T1, T2, T3, T4, T5, T6 và xã E thành phố B của Công ty TNHH MTV cà phê B; Giao diện tích 4.240.315m^2 cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật *(Tại địa bàn phường T với diện tích đất là: 280.808m^2)*;

Căn cứ Khoản 2, Điều 82 Luật đất đai năm 2013 *"Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: Đất nhà nước giao để quản lý"*. Như vậy, diện tích đất 5.179,1m^2 thu hồi của ông Nguyễn Văn D không đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ về đất mà chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo "Điểm 2, Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk";

- Các chính sách hỗ trợ: Tại thời điểm UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định thu hồi đất, Công ty TNHH MTV cà phê B được giải thể kể từ ngày 30/9/2016 theo *"Quyết định số 2712/QĐ-UBND, ngày 15/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk"*. Việc UBND tỉnh thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cà phê B tại *"Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017"* là trường hợp thu hồi đất đối với Tổ chức sử dụng đất đã giải thể, thuộc quy định tại *"Điều 65 Luật Đất đai năm 2013"*, không phải trường hợp thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, dân sinh xã hội theo quy định tại các *"Điều 61, 62 Luật đất đai năm 2013"*. Mặt khác, theo quy định tại *"Điều 422 Bộ Luật Dân sự năm 2015"*, thì một trong những trường hợp chấm dứt hợp đồng là: *"3.Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cả nhân, pháp nhân đó thực hiện"*. Do vậy, khi Công ty TNHH MTV cà phê B giải thể kể từ ngày 30/9/2016, thì hiệu lực hợp đồng liên kết sản xuất cà phê giữa Công ty cà phê với hộ ông Nguyễn Văn D đã chấm dứt mặc dù hợp đồng vẫn còn thời hạn thực hiện.

Do đó, việc hộ ông Nguyễn Văn D yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại *"Khoản 6, Điều 4, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ"* là không có cơ sở, do Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi

hành kể từ ngày 03/03/2017, trong khi toàn bộ diện tích đất của Công ty TNHH MTV cà phê B đã được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 07/QĐ-UBND, ngày 04/01/2017, trước thời điểm Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Hủy một phần Quyết định số 9954/QĐ- UBND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B đối với hộ ông Nguyễn Văn D. Buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, trong đó phê duyệt bổ sung việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn D theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, trong đó phê duyệt bổ sung hỗ trợ khác cho hộ ông Nguyễn Văn D.

Đối với Văn bản trả lời khiếu nại số 481/UBND-TTPTQĐ ngày 17/02/2023 của UBND thành phố B về việc trả lời khiếu nại ông Nguyễn Văn D. Mặc dù trong đơn khởi kiện ông D không yêu cầu hủy văn bản này, tuy nhiên xét thấy văn bản trên có liên quan đến Quyết định 9954/QĐ-UBND mà ông đang khởi kiện nên đề nghị HĐXX xem xét hủy văn bản trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn D khởi kiện UBND thành phố B, đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 9954/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Uỷ ban nhân dân

thành phố B đối với phần hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông D, là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính để xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.3] Đối với hỗ trợ khác: Quá trình giải quyết vụ án, ông D đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về các hỗ trợ khác. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện này của ông D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định:

Căn cứ Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, xét thấy Quyết định số 9954/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố B được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông D về việc UBND thành phố đã không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông, nhận thấy:

Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, thì khi bị thu hồi đất, người sử dụng đất được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm.

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. UBND cấp tỉnh căn cứ điều kiện cụ thể tại địa phương quy định mức hỗ trợ cho phù hợp; và theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 19 Quyết định số 39/QĐ - UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm phù hợp với quy định của pháp luật. Việc người bị kiện cho rằng nay Công ty đã giải thể nên

không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho 02 người con của ông D là không có căn cứ pháp lý.

Tại Biên bản xác minh thực trạng lao động nghề nghiệp điều tra tổng diện tích đất sử dụng của hộ gia đình được UBND phường T, thành phố B xác nhận ngày 11/11/2019 thì hộ gia đình ông D có 02 người con là Nguyễn Thị Thùy H3, sinh năm 1984 và Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1989, có nghề nghiệp làm nông. Như vậy, khi ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, UBND thành phố B đã không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho 02 người con của ông D là không đúng quy định pháp luật.

[2.3] Đối với việc hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất khi thu hồi đất. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai, khi nhà nước thu hồi đất thì người sử dụng đất được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất. Căn cứ điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì gia đình ông D thuộc diện được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất. Việc hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất được thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai, Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 17 Quyết định số 39/QĐ – UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, khi thu hồi đất của gia đình ông D, UBND thành phố B đã không thực hiện việc hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất cho gia đình ông D là không đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9954/QD-UBND ngày 27/12/2019 về việc Phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với gia đình ông D nhưng không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm; không thực hiện việc hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất cho gia đình ông D là thiếu sót. Do đó xét yêu cầu hủy Quyết định số 9954/QD-UBND ngày 27/12/2019, buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, trong đó phê duyệt bổ sung việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn D là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với Văn bản trả lời khiếu nại số 481/UBND-TTPTQĐ ngày 17/02/2023 của UBND thành phố B về việc trả lời khiếu nại ông Nguyễn Văn D. Mặc dù trong đơn khởi kiện ông D không yêu cầu hủy văn bản trên, tuy nhiên xét thấy văn bản trên có liên quan đến Quyết định 9954/QĐ-UBND mà ông đang khởi kiện nên cần thiết phải hủy văn bản trên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 1 Điều 143, điểm b khoản 2 Điều 157, Điều 158, Điều 164; khoản 2 Điều 165; khoản 1 khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Căn cứ Điều 69; Điều 74; Điều 75; điểm đ khoản 1 Điều 76, điểm a, b khoản 2 Điều 83, khoản 2 Điều Luật đất đai; Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 17 Quyết định số 39/QĐ – UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D;

- Hủy một phần Quyết định số 9954/QĐ- UBND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B đối với hộ ông Nguyễn Văn D.

- Hủy Văn bản trả lời khiếu nại số 481/UBND-TTPTQĐ ngày 17/02/2023 của UBND thành phố B về việc trả lời khiếu nại của ông Nguyễn Văn D.

- Buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, trong đó phê duyệt bổ sung việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn D theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, trong đó phê duyệt bổ sung hỗ trợ khác cho hộ ông Nguyễn Văn D.

3. Về án phí: UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự, người đại diện hợp pháp cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự, người đại diện hợp pháp cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;

……
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Văn Tú